

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 71/2026/HC-PT

Ngày 16/3/2026

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trần Huy Đức, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 236/2025/TLPT-HC ngày 12/11/2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với bản án hành chính sơ thẩm số 197/2025/HC-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 559/2026/QĐ-PT ngày 27/02/2025, giữa:

Người khởi kiện: ông Lê Khắc Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: nhà số E hẻm C, tỉnh lộ 5, thôn C, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk), có Đơn ghi ngày 09/3/2026 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng* là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: số A L, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. ông Tôn Thất T; địa chỉ: A V, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường V, thành phố H), vắng mặt.

2. bà Lê Thị H, sinh năm 1986, vắng mặt;

3. chị Lê Như Hà T1, sinh năm 2009, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: nhà số E hẻm C, tỉnh lộ 5, thôn C, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

4. Hội đồng giải thể - Công ty TNHH MTV C1; địa chỉ: nhà số C L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Đại diện theo ủy quyền là ông Trương Văn T2 - Tổ trưởng Tổ quản lý và thanh lý tài sản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Lê Khắc Đ trình bày: Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T là không đúng đối tượng, không đúng quy định của pháp luật, cụ thể:*

- Bồi thường, hỗ trợ không đúng đối tượng sử dụng đất bị Nhà nước thu hồi đất vì: Năm 2013 ông Tôn Thất T đã chuyển nhượng vườn cà phê giao khoán từ Công ty TNHH MTV C1 cho ông Đ; ông Đ đã thanh toán đủ tiền cho ông T và nhận bàn giao vườn cà phê, canh tác sử dụng đất từ năm 2013 cho đến khi bị thu hồi. Ông Đ đã thực hiện nghĩa vụ của người nhận khoán, cụ thể đã trả nợ cho ông T các khoản từ năm 2013 trở về trước, thực hiện nghĩa vụ của người nhận khoán từ năm 2013 đến nay, việc sang nhượng và thực hiện các nghĩa vụ giao khoán Công ty đều biết. Như vậy, ông Đ phải là người được bồi thường, hỗ trợ, tuy nhiên Quyết định số 10609 lại lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông T là không đúng đối tượng đang trực tiếp sử dụng đất bị thu hồi, do vậy, ông Đ yêu cầu phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với người sử dụng đất bị thu hồi là ông Đ.

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất không đúng.

+ Về vật kiến trúc trên đất: Đối với 01 Giếng khoan bằng máy khoan tự hành, đường kính lỗ khoan 180mm, sâu 103m, xây dựng năm 2013 (tại Biên bản kiểm đếm tài sản ngày 09/01/2020, Biên bản làm việc ngày 14/10/2020 & Biên bản làm việc ngày 14/01/2022 đều thể hiện). Theo quy định 01 giếng khoan phải được bồi thường, hỗ trợ, nhưng Quyết định 10609 lại xác định năm tạo lập giếng khoan là năm 2019 để không bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định nên ông Đ yêu cầu bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với 01 giếng khoan này.

+ Về cây trồng trên đất:

Mức bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng chính trên đất: Theo điểm a, b khoản 1, 3 Điều 4 Quyết định số 10 ngày 13/04/2020 của UBND tỉnh Đ quy định cây trồng chính phải được bồi thường, hỗ trợ bằng 100% đơn giá, nhưng Quyết định 10609 chỉ hỗ trợ cây trồng chính gồm 470 cây cà phê, 03 cây Hồ tiêu trồng 2014, 07 cây sầu riêng ghép và 03 cây Bơ ghép trồng 2016 với mức hỗ trợ bằng 80% đơn giá bồi thường là không đúng quy định nên ông Đ yêu cầu phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng chính với mức hỗ trợ là 100%.

Về số lượng, chủng loại cây sầu riêng để tính bồi thường, hỗ trợ chưa đúng: Theo biên bản kiểm đếm tài sản ngày 09/01/2020 trên đất ông Đ có 21 cây Sầu riêng ghép năm 2009. Theo Quyết định số 10 thì 14 cây sầu riêng là cây trồng chính, nhưng Quyết định 10609 chỉ bồi thường, hỗ trợ đối với 07 cây Sầu riêng, không bồi thường, hỗ trợ đối với 07 cây sầu riêng nên ông Đ yêu cầu bổ sung bồi thường, hỗ trợ 07 cây sầu riêng là loại cây trồng chính, trong đó 07 cây loại A, với mức bồi thường 100% đơn giá.

Về cây trồng xen, tính số lượng, mức bồi thường, hỗ trợ không đúng: Tại Mục 6, Phụ lục 01 Bảng đơn giá cây công nghiệp lâu năm của Quyết định số 10 quy định cây công nghiệp lâu năm được phép trồng chung trong vườn cà phê kinh doanh là 91 cây/ha. Thửa đất của ông Đ diện tích 5.152,5m² thì số lượng cây được

phép trồng xen là $5.152,5\text{m}^2 \times 91 \text{ cây/ha}/10.000\text{m}^2 = 47\text{cây}$, nhưng Quyết định 10609 tính bồi thường, hỗ trợ đối với cây công nghiệp trồng chung trong vườn cà phê của ông Đ là 33 cây Ca cao trồng năm 2012 là chưa đúng về số lượng cây và loại cây nên ông Đ yêu cầu bổ sung 47 cây trồng xen, trong đó có 07 cây sầu riêng, 15 cây Bơ, 25 cây Ca Cao với mức bồi thường 100% đơn giá.

Về cây trồng xen vượt mật độ đến 50%, mức bồi thường, hỗ trợ không đúng: Tại khoản 3, Điều 4 Quyết định số 10 quy định cây trồng vượt mật độ đến 50% được hỗ trợ bằng 60% đơn giá; số cây vượt mật độ từ trên 50% đến 100% được hỗ trợ bằng 30% giá trị cây trồng cùng chủng loại, nhưng Quyết định số 10609 lại tính bồi thường, hỗ trợ bằng đơn giá bồi thường trong bảng giá x 80% x 60% là không đúng quy định nên ông Đ yêu cầu tính mức bồi thường bằng đơn giá x 60%.

Về cây trồng không bồi thường, hỗ trợ gồm cây Cam sành trồng năm 2015, năm 2016: Theo Biên bản kiểm kê ngày 09/01/2020 thể hiện trên đất có cây Cam sành được xác định trồng năm là 171 cây (*loại A: 101 cây, loại B: 70 cây*); Cam sành trồng năm 2016 là 274 cây (*loại A: 205 cây, loại B: 69 cây*); Cam sành trồng năm 2017 là 351 cây (*loại A: 227 cây, loại B: 124 cây*), nhưng Quyết định 10609 lại xác định toàn bộ 796 cây Cam sành trồng sau năm 2017 để không tính bồi thường, hỗ trợ là không có căn cứ, không đúng quy định nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với 796 cây Cam sành.

- *Thu hồi 100% giá trị vườn cà phê giao khoán 84.350.000 đ/ha cho Công ty cà phê BMT là không đúng quy định vì:* Tại Quyết định số 113/2008/QĐ-CT ngày 15/12/2008 của Công ty C1 về việc quy định giá trị 01 ha cà phê với kinh doanh năm thứ nhất; theo dự toán 01 ha cà phê trong thời gian 04 năm kiệt thiết cơ bản (*01 năm trồng mới và 03 năm chăm sóc*). Giá trị vườn cà phê giao khoán này, Công ty TNHH MTV C2 đã thu hồi của ông Đ từ năm 1999 - 2016 (gọi là khấu hao giá trị vườn cà phê kinh doanh). Việc UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi giá trị vườn cà phê theo nguyên giá đầu tư kinh doanh năm thứ nhất của ông Đ cho Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C2 là không đúng với quy định. Do vậy, ông Đ yêu cầu chỉ thu hồi giá trị còn lại của vườn cà phê đối với thời gian chưa thu hồi tài sản (chưa tính khấu hao tài sản từ năm 2017 đến 2020); hoàn trả lại số tiền 42.175.000 đồng cho ông Đ.

- *Chưa thực hiện chính sách hỗ trợ cho người bị Nhà nước thu hồi đất, cụ thể như sau:*

+ *Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất:* Theo quy định tại điểm d khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì ông Đ là hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp; là lao động đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp; bị thu hồi 100% diện tích đất nông nghiệp đang sản xuất có hợp đồng giao khoán sử dụng đất nên phải được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, nhưng Quyết định 10609 không hỗ trợ khoản này là không đúng nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bổ sung khoản này.

+ *Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:* ông Lê Khắc Đ là công nhân của Công ty C2 có tham gia Bảo hiểm xã hội bắt buộc; Bảo hiểm xã

hội tỉnh Đ xác nhận hiện nay ông Lê Khắc Đ chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động. Theo quy định tại điểm a, b, khoản 2, Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ thì ông Đ thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất. Quyết định 10609 không hỗ trợ khoản này là không đúng nên ông Đ khởi kiện yêu cầu bổ sung khoản này.

- *Chậm thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì phải chi trả thêm khoản tiền lãi suất theo quy định:* Kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi và Quyết định số 10609 cho đến nay Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B chưa thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Tôn Thất T (ông Lê Khắc Đ). Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai 2013 thì ngoài số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả thì hộ ông Đ còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả nên ông Đ yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày 28/12/2022 đến khi chi trả tiền bồi thường.

Với những lý do trên, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố Buôn Ma T3 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị D, phường T, thành phố B (đợt 5) đối với phần bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T; buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho đúng đối tượng là ông Lê Khắc Đ theo đúng quy định của pháp luật.

* *Người bị kiện UBND thành phố B trình bày:*

- *Về đối tượng bồi thường, hỗ trợ:* Hộ ông Tôn Thất T ký hợp đồng kinh tế về việc nhận khoán sản xuất cà phê với Công ty C1 theo Hợp đồng số Đ8-45/HĐKT ngày 21/7/2005 tại thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6, diện tích 5.000m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Tại đơn xin hợp đồng khoán chăm sóc vườn cây cà phê ông Tôn Thất T cam kết không mua bán, sang nhượng vườn cây cà phê và tài sản khác của công ty. Ngày 24/10/2017 ông Tôn Thất T chuyển nhượng cho ông Lê Khắc Đ bằng giấy viết tay không có sự đồng ý của Hội đồng giải thể Công ty C1. Ngày 28/02/2020, Hội đồng giải thể Công ty C1 có Công văn số 06/CV-HĐGT xác nhận tài sản, công nợ của các hộ nhận khoán, liên kết trong đó có hộ ông Tôn Thất T đang sử dụng thửa đất số 12, tờ bản đồ số 6 diện tích 5.000m² đất trồng cà phê. Căn cứ hợp đồng và Công văn số 06/CV-HĐGT ngày 28/02/2020 của Hội đồng giải thể Công ty C1, UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T là đúng theo quy định.

- *Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu:*

+ Về mức bồi thường, hỗ trợ: Ông Tôn Thất T sử dụng đất năm 1995. Căn cứ điểm b, khoản 5 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định về việc cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ như sau: “Thời điểm sử dụng đất từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 hỗ trợ bằng 80% giá trị bồi thường theo đơn giá quy định hiện hành”. Theo quy định trên, UBND

thành phố B tính toán hỗ trợ 80% giá trị bồi thường theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng tại Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ.

+ Đối với việc xác định cây trồng chính, cây trồng xen: UBND thành phố B thực hiện theo khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10. Đối với 445 cây Cam sành ghép trồng năm 2017 (trồng sau khi có Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ) về việc thu hồi 5.138,0597 m² do vậy, UBND thành phố B không tính toán hỗ trợ 445 cây Cam sành ghép là đúng quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai.

- *Thu hồi giá trị vườn cây cà phê*: Thực hiện Quyết định số 113/2008/QĐ-CT ngày 15/12/2008 của Công ty C1 về việc quy định giá trị 01ha cà phê với (84.350.000đồng /1 ha) tại thời điểm kinh doanh năm thứ nhất với mục đích để “Giao giá trị vườn cây trong hợp đồng cho các hộ nhận khoán; Thu hồi tiền vốn cho Nhà nước khi hộ nhận khoán chăm sóc không tốt để vườn cây chết phải bồi thường, hoặc khi Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội”. Thực hiện khoản 1 Điều 2 Quyết định số 3115/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án giải thể đối với Công ty C1. Từ những căn cứ trên, UBND thành phố B tính toán thu hồi giá trị vườn cây cà phê của ông Tôn Thất T với số tiền là 42.175.000 đồng là đúng quy định và thực hiện đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh không để thất thoát ngân sách Nhà nước.

- *Hỗ trợ đối với 01 giếng khoan*: Căn cứ Biên bản làm việc ngày 23/8/2021, xác định thời điểm xây dựng giếng khoan đường kính lỗ khoan 180mm, sâu 103m của ông Tôn Thất T xây dựng năm 2019; như vậy, giếng khoan xây dựng sau Quyết định số 07 về việc thu hồi 5.138.059,7m². Từ những căn cứ trên, UBND thành phố B không tính toán hỗ trợ giếng khoan là đúng theo quy định khoản 2 Điều 92 Luật Đất Đai năm 2013.

- *Chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề*: Tại thời điểm UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định thu hồi đất, Công ty C1 được giải thể kể từ ngày 30/9/2016 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh. Việc UBND tỉnh thu hồi đất của Công ty tại Quyết định số 07 là trường hợp thu hồi đất đối với tổ chức sử dụng đất đã giải thể, thuộc quy định tại Điều 65 Luật Đất đai năm 2013, không phải trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, dân sinh xã hội theo quy định tại các Điều 61, 62 Luật đất đai 2013. Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ quy định điều khoản chuyển tiếp “Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”; Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03/03/2017. Trong khi toàn bộ diện tích đất của Công ty C1 đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 07, trước thời điểm Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì một trong những trường hợp chấm dứt hợp đồng là: “3. Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá

nhân, pháp nhân đó thực hiện”, do vậy, khi Công ty C1 giải thể kể từ ngày 30/9/2016, thì hiệu lực hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa Công ty cà phê với các hộ đã chấm dứt mặc dù hợp đồng vẫn còn thời hạn thực hiện. Từ những quy định trên, UBND thành phố Buôn Ma T3 không hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho ông Tôn Thất T là đúng quy định.

- *Tiền chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ:* Sau khi UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10609, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã có công văn yêu cầu chủ đầu tư dự án chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ để chi trả cho ông Tôn Thất T. Mặt khác, ông Tôn Thất T sau khi nhận quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ không có ý kiến gì về việc chi trả tiền bồi thường hỗ trợ. Do vậy, việc ông Lê Khắc Đ đề nghị thanh toán tiền chậm trả tính bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả từ ngày 28/12/2022 đến ngày chi trả đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, U Ma Thuật đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Khắc Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tôn Thất T trình bày: Năm 2005, ông T ký kết hợp đồng nhận khoán sản xuất cà phê với Công ty C1. Quá trình canh tác, ông T khoan giếng, xây dựng bể chứa nước, trồng xen một số cây ăn trái như sầu riêng, B, Ca cao. Ngày 15/5/2013, ông T sang nhượng lại vườn cà phê cho ông Đ. Ông Đ đã thanh toán xong tiền, ông T đã bàn giao vườn cà phê và tài sản trên đất cho ông Đ. Đến thời điểm sang nhượng ông T vẫn còn nợ lại sản phẩm cà phê và tiền thuê đất từ năm 2009-2013, ông Đ cam kết sẽ trả nợ thay ông T. Nay ông Đ khởi kiện, ông T đề nghị Tòa án quyết định bồi thường, hỗ trợ trực tiếp cho ông Đ, ông T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng giải thể - Công ty TNHH MTV C1 trình bày. Ông Tôn Thất T (địa chỉ Thôn B, xã H, hành phố Buôn M, tỉnh Đắk Lắk có Hợp đồng số Đ8-45/HĐKT ngày 21/7/2005 với Công ty cà phê Buôn Ma T3 về việc nhận khoán sản xuất cà phê, theo đó Công ty giao cho ông T diện tích 5.000m² tại thửa đất số 12, tờ bản đồ 6, phường T, thành phố B, loại cà phê giao khoán (Công ty Đ2 vốn, vườn cây thuộc sở hữu của ty cà phê BMT); năm trồng 1995.

- Về công nợ: Tính đến ngày 30/9/2016 (thời điểm Công ty giải thể) ông T còn nợ 171.369.927 đồng; Nợ cà phê quả tươi 13.369kgx8.120.000đ/kg = 108.556.280 đồng; nợ tiền đầu tư 20.653.647 đồng; Tiền giá trị vườn cây 0,5 ha x 84.350.000 đ/ha = 42.170.000 đồng; (Giá cà phê thu nợ tại CV số 01/CV - HĐGT, ngày 11/01/2022; Giá trị vườn cây theo QĐ số 311/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 do vườn cây thuộc sở hữu của Công ty C1 nên HĐGT thu hồi giá trị còn lại của vườn cây tại thời điểm thu hồi đất). Đã thực hiện: Giá trị vườn cây Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố thu hộ theo Quyết định 3115/QĐ - UBND, ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Đ là 42.170.000 đồng, số còn nợ đến nay 129.209.927 đồng.

- Về trách nhiệm trả nợ.

+ Ông Tôn Thất T có trách nhiệm thanh toán nợ cho Hội đồng giải thể bao gồm công nợ và giá trị vườn cây; Công ty TNHH C1 không có quan hệ kinh tế với

ông Lê Khắc Đ trong hợp đồng số Đ8- 45/HĐKT, ký ngày 21/7/2005; Việc chuyển nhượng hợp đồng giữa ông Tôn Thất T và ông Lê Khắc Đ không được Công ty TNHH C1 xác nhận (Việc xác nhận chuyển nhượng hợp đồng thuộc Giám đốc Công ty - Người đại diện theo pháp luật thực hiện); Ông Nguyễn Minh H1 là Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính không có thẩm quyền xác nhận chuyển nhượng hợp đồng (Quy định tại Quyết định số 126/1999 của Công ty) Việc ông Lê Khắc Đ nộp các khoản cho ông Tôn Thất Thành Công T4 có chủ trương cho phép các Đội trưởng được nhận tiền của các hộ nhận khoán nộp Công ty, sau khi thu, đội trưởng giao phiếu thu cho hộ nhận khoán, Công ty giảm nợ cho hộ nhận khoán trong Quyết toán ông Lê Khắc Đ là đội trưởng đội 2 có nhận tiền của nhiều hộ nộp Công ty, trong đó có nộp cho ông Tôn Thất T là không ngoại lệ, việc ông Đ nhận tiền của ông T hay lấy tiền của gia đình nộp cho ông T, Công ty không biết (Có một số phiếu thu đại diện của Công ty mà ông Đ đã nhận tiền và nộp thay H2 nhận khoán). Vì vậy việc ông Đ cho rằng ông Đ nộp cho ông T do ông đã chuyển nhượng hợp đồng là không có cơ sở.

Việc Công ty xác nhận chuyển nhượng hợp đồng cho ông Trần Xuân R và bà Trần Thị T5 đối với ông Trần Xuân R: Ngày 10/6/2005, Công ty có biên bản kiểm tra chất lượng vườn cây giao cho ông Trần Xuân R1 chăm sóc nhưng chưa làm hợp đồng (Vườn cây Công ty thu lại của bà Nguyễn Thị L - đã bỏ đi nơi khác). Ông R1 đã có biên bản đối chiếu nợ, cam kết trả nợ và đã trả nợ (Biên bản ngày 10/6/2005 & Phiếu thu số 29, ngày 01/11/2022). Nên HĐGT xác nhận: “Ông Trần Xuân R chưa có hợp đồng nhưng được xem như đã có hợp đồng” làm cơ sở đền bù cho ông Trần Xuân R. Đối với Bà Trần Thị T5: HĐGT Công ty xác nhận chuyển nhượng hợp đồng của ông Vũ Minh T6 khi ông T6 có biên bản đối chiếu nợ và thanh toán hết nợ (Biên bản ngày 27/8/2018, Phiếu thu số 45, ngày 27/9/2018) ông Tôn Thất T chưa đối chiếu nợ, chưa thanh toán nợ nên chưa thể thực hiện chuyển hợp đồng cho bất cứ ai.

Về Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ và diện tích đất đai vườn cà phê ngày 18/11/2016, Hội đồng giải thể không chấp nhận nội dung Biên bản do anh Lê Khắc Đ cung cấp tại Tòa với các lý do anh Đ sử dụng Mẫu biên bản đối chiếu cũ chưa sử dụng hết có thời hạn vào ngày 31/01/2016 (Theo Biên bản họp giao ban ngày 04/1/2016), tự ý viết tên và ký tên mình là người nhận khoán (nhận chuyển nhượng) mà chưa được sự đồng ý của Giám đốc Công ty. Ngày 18/11/2016 là ngày ông Đ tự thiết lập Biên bản đối chiếu với ông Tôn Thất T, trong khi đó Công ty TNHH C1 cà phê Buôn Ma T3 đã có QĐ giải thể (QĐ số 2712/QĐ-UBND, ngày 15/9/2016 - QĐ gia hạn thời gian giải thể đến ngày 30/9/2016), Công ty không còn pháp nhân, con dấu thu hồi vào ngày 18/10/2016, các chức danh ghi trong biên bản gồm Giám đốc, trưởng phòng KTKT, đội trưởng đều có Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 30/9/2016 (Anh Đ thôi việc theo QĐ số 119, ngày 30/9/2016). Công ty đã ngừng hoạt động vào ngày 30/9/2016, con dấu bị thu hồi, các chức danh của Công ty đều đã thôi việc trước ngày ông Đ viết và ký biên bản ngày 18/11/2016 vì vậy Biên bản đối chiếu công nợ ghi ngày 18/11/2016 là không có giá trị.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2024/HC-ST ngày 15/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ:

+ Hủy một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị D, thành phố B (đợt 5) cho ông Tôn Thất T đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91), diện tích 5.152,5 m² phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Buộc U phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án, bồi thường hỗ trợ đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91), diện tích 5.152,5 m² tại phường T, thành phố B cho ông Lê Khắc Đ về các khoản bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ về việc buộc bồi thường về tài sản, cây trồng bằng 100% đơn giá và buộc trả lại số tiền giá trị vườn cây 42.175.000 đồng.

Ông Lê Khắc Đ và UBND thành phố B kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị bản án sơ thẩm.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 79/2025/HC-PT ngày 21/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Lê Khắc Đ; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 110/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 107/2025/HC-ST ngày 23/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

- Căn cứ khoản 2, 9 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 59; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

- Căn cứ khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 92 Luật đất đai năm 2013.

- Căn cứ điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk;

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10 của UBND tỉnh Đ và điểm b khoản 5 Điều 20 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ.

- Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 20 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ về việc hủy một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị D, thành phố B (Đợt 5) đối với ông Tôn Thất T khi thu hồi diện tích 5.152,5m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Buộc Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND thành phố B phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi diện tích 5.152,5m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) theo quy định của pháp luật, trong đó xác định lại người được bồi thường, hỗ trợ là hộ ông Lê Khắc Đ (không phải ông Tôn Thất T).

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ đối với các nội dung sau:

- Bồi thường về đất, tài sản trên đất khi thu hồi diện tích 5.152,5m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

- Bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản trên đất gồm: 01 Giếng khoan bằng máy khoan tự hành, đường kính lỗ khoan đường kính 180mm, sâu 103m; Bồi thường, hỗ trợ bằng 100% đơn giá đối với cây trồng chính gồm 470 cây cà phê, 03 cây Hồ tiêu trồng 2014, 07 cây sầu riêng ghép và 03 cây Bơ ghép trồng 2016; Bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với 07 cây sầu riêng là loại cây trồng chính, trong đó 07 cây loại A, với mức bồi thường 100% đơn giá; Bồi thường, hỗ trợ bổ sung 47 cây trồng xen, trong đó có 07 cây sầu riêng, 15 cây Bơ, 25 cây Ca Cao với mức bồi thường 100% đơn giá; Yêu cầu tính mức bồi thường đối với cây trồng xen vượt mật độ bằng 60% đơn giá; Bồi thường, hỗ trợ đối với 796 cây Cam sành; Yêu cầu chỉ thu hồi giá trị còn lại của vườn cà phê đối với thời gian chưa thu hồi tài sản (chưa tính khấu hao tài sản từ năm 2017 đến 2020); hoàn trả lại số tiền 42.175.000 đồng cho ông Đ.

- Yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất;
- Yêu cầu hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;
- Yêu cầu trả khoản tiền lãi suất do chậm thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

3. Về án phí: Buộc Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đắk Lắk phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Khắc Đ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai số AA/2023/0009515 ngày 11/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Tại Quyết định số 914/QĐ-VKS-HC ngày 08/10/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Khắc Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật:

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Người khởi kiện ông Lê Khắc Đ vắng và đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo kháng nghị.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Lê Khắc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Đợt 5); trong đó có phần quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T khi bị thu hồi thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91), diện tích 5.152,5m² tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với các lý do:

[1.1] Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) ông Đ đã nhận chuyển nhượng lại từ ông Tôn Thất T, nhưng Quyết định số 10609 của Ủy ban nhân dân thành phố B lại xác định hỗ trợ, bồi thường cho ông T là không đúng người quản lý, sử dụng đất, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ;

[1.2] Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B không đúng pháp luật vì: - Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc, cây trồng trên đất chưa đúng, chưa đủ; - Việc UBND tỉnh Đ ban hành quyết định thu hồi 100% giá trị vườn cà phê giao khoán là không đúng, lẽ ra chỉ thu hồi giá trị còn lại của vườn cà phê đối với thời gian chưa thu hồi tài sản (chưa tính khấu hao tài sản từ năm 2017 đến 2020), do đó phải hoàn trả cho ông Đ số tiền 42.175.000 đồng; - Chưa thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không đúng; - chậm thực hiện chi trả tiền

bồi thường, hỗ trợ nên phải trả thêm lãi suất chậm trả đến khi chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ.

[2] Bản án hành chính sơ thẩm số 107/2025/HC-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ hủy một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B về phần xác định đối tượng được hỗ trợ, bồi thường là ông Tôn Thất T; buộc ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ xác định đối tượng được hỗ trợ, bồi thường là hộ ông Lê Khắc Đ (không phải ông Tôn Thất T); còn bác các yêu cầu khởi kiện khác của ông Lê Khắc Đ. Bản án sơ thẩm bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm tại quyết định số 914/QĐ-VKS-HC ngày 08/10/2025 theo hướng đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Khắc Đ vắng và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nên Hội đồng quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[4] Xét, bản án hành chính sơ thẩm số 107/2025/HC-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ hủy một phần Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B, để buộc ban hành lại Quyết định bồi thường, hỗ trợ xác định ông Lê Khắc Đ mới là đối tượng được hỗ trợ, bồi thường là không đúng vì:

[4.1] ông Lê Khắc Đ cho rằng đã nhận chuyển nhượng hợp đồng giao khoán của ông Tôn Thất T và cung cấp hợp đồng có xác nhận của Công ty C1 để chứng minh ông Đ là đối tượng đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên, ông Đ là Đội trưởng Đội 2 Công ty C1 và có nhiều thửa đất tại khu vực có đất bị thu hồi, nên hiểu rõ các quy định, thủ tục liên quan đến việc đối chiếu công nợ để đảm bảo quyền lợi của cá nhân, hộ nhận khoán; nhưng tại thời điểm cuối năm 2016, đầu năm 2017 khi Công ty C1 thực hiện rà soát, lập biên bản đối chiếu công nợ để tiến hành giải thể thì ông Đ đã thực hiện đối chiếu công nợ tất cả các thửa đất khác, nhưng không thực hiện đối chiếu công nợ đối với diện tích đất tại thửa số 309 (trước đó là thửa 144), thửa đất này không có người thực hiện đối chiếu công nợ với Công ty C1 cũng như Hội đồng giải thể của Công ty C1.

[4.2] Trong các tài liệu ông Lê Khắc Đ cung cấp, chỉ có *Giấy nhận tiền* ghi ngày 25/10/2017 tại thành phố H là có giá trị chứng minh cho việc ông T chuyển nhượng Hợp đồng giao khoán cho ông Đ; còn Văn bản thỏa thuận chuyển nhượng ghi ngày 05/5/2013 giữa ông Tôn Thất T với ông Lê Khắc Đ là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của những người làm chứng như ông Nguyễn Minh H1 (nguyên trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính khi Công ty C1), ông Trương Văn T2 (nguyên Giám đốc Công ty C1, hiện là Tổ trưởng Tổ quản lý và thanh lý tài sản Hội đồng giải thể Công ty C1), có

đủ cơ sở khẳng định tài liệu này được ông Đ hợp thức hóa, không có giá trị chứng minh việc ông Đ nhận chuyển nhượng hợp đồng từ năm 2013.

[4.3] Hộ ông Tôn Thất T là người đứng tên trên Hợp đồng nhận khoán thửa đất thửa đất số 309 (trước đó là thửa 144), không đối chiếu công nợ với Công ty C1 tại thời điểm Công ty thực hiện các thủ tục để giải thể và hiện ông Tôn Thất T vẫn còn nợ 42.175.000 đồng tiền giá trị vườn cây và 13.369kg cà phê nợ khoán (bút lục 739 - tài liệu do ông Lê Khắc Đ cung cấp). Việc chuyển giao Hợp đồng nhận khoán vườn cây từ ông T sang ông Đ được thực hiện sau thời điểm Công ty C1 giải thể nên không có giá trị pháp lý và thời điểm này đất đã bị Nhà nước thu hồi và bàn giao về cho địa phương quản lý. Ông Đ đang quản lý, sử dụng đất tại thời điểm kiểm đếm, nhưng không phải là *“hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp”* theo quy định tại khoản 30 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; do đó, căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 74, Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất, thì ông Đ không phải là *“người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này”*, thời điểm đất bị thu hồi theo quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đ thì ông Đ vẫn chưa sử dụng đất. Vì vậy, bản án sơ thẩm căn cứ thời điểm kiểm đếm tài sản, hộ ông Đ là người trực tiếp quản lý vườn cây, ký vào biên bản kiểm đếm do Trung tâm phát triển quỹ đất lập, làm cơ sở xác định ông Đ là đối tượng được bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất là nhận định không khách quan, không có căn cứ pháp luật.

[4.4] Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Tôn Thất T là đúng đối tượng theo quy định của pháp luật; do đó, bản án hành chính sơ thẩm nêu trên đánh giá tài liệu, chứng cứ chưa khách quan, đầy đủ, toàn diện, giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với yêu cầu xác định lại đối tượng được bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định pháp luật, nếu chấp nhận yêu cầu xác định lại đối tượng được bồi thường hỗ trợ do có lỗi của người bị kiện, sẽ phát sinh các nghĩa vụ của nhà nước, phê duyệt các khoản hỗ trợ, lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả, không thu hồi được tiền giá trị vườn cây Nhà nước đã đầu tư (ông Đ không đồng ý trả cho nhà nước); mặt khác, quyền lợi của ông Đ liên quan đến việc nhận chuyển nhượng hợp đồng với ông T (nếu có) là quan hệ pháp luật dân sự, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ nên sửa lại án phí hành chính sơ thẩm, buộc ông Đ phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án hành chính sơ thẩm số 107/2025/HC-ST ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk như sau:

Áp dụng khoản 2, 9 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 59; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 30 Điều 3, Điều 5, khoản 1 Điều 74, Điều 75, điểm a khoản 1 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10 của UBND tỉnh Đ và điểm b khoản 5 Điều 20 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ. Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 20 Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ,

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông Lê Khắc Đ yêu cầu hủy Quyết định số 10609/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị D, thành phố B (Đợt 5) đối với ông Tôn Thất T khi thu hồi diện tích 5.152,5m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 309, tờ bản đồ số 91) tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk).

Ông Lê Khắc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Lê Khắc Đ đã nộp tạm ứng sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2023/0009515 ngày 11/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra IV-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân